



CÔNG TY CỔ PHẦN THỬ NGHIỆM THÀNH THẠO QUỐC TẾ

Địa chỉ: 156/29-31 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số điện thoại: 0906365962

E-mail : info@iptpro.net

Website:

iptpro.net

CHƯƠNG TRÌNH THỬ NGHIỆM THÀNH THẠO THÁNG 06 NĂM 2025

Kính gửi:

- BAN GIÁM ĐỐC
- PHỤ TRÁCH PHÒNG THỬ NGHIỆM

Công ty Thử nghiệm thành thạo Quốc tế (IPT) là đơn vị chuyên nghiệp trong lĩnh vực sản xuất mẫu chuẩn và tổ chức các chương trình thử nghiệm thành thạo/so sánh liên phòng, được công nhận bởi Văn phòng Công nhận Chất lượng – Bộ Khoa học và Công nghệ, đạt chuẩn ISO/IEC 17043:2011 với mã số VIPAS 004. Các chương trình thử nghiệm thành thạo của IPT đa dạng và bao phủ hầu hết các lĩnh vực kiểm nghiệm, đáp ứng nhu cầu giám sát và đánh giá chất lượng phân tích của các phòng thử nghiệm.

Tham gia định kỳ vào các chương trình thử nghiệm thành thạo/so sánh liên phòng là phương pháp hiệu quả giúp các phòng thử nghiệm tự giám sát và đánh giá chất lượng các chỉ tiêu phân tích, cho phép các phòng thử nghiệm chủ động phát hiện và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, khắc phục hiệu quả các vấn đề không phù hợp trong quá trình kiểm nghiệm.

Với phương châm hỗ trợ tối đa cho các phòng thử nghiệm trong việc nâng cao chất lượng, IPT luôn sẵn sàng cung cấp tư vấn kỹ thuật và hệ thống khi các phòng thử nghiệm gặp phải các giá trị cảnh báo hoặc kết quả bất thường.

Nhằm cung cấp thêm sự lựa chọn về dịch vụ thử nghiệm thành thạo/so sánh liên phòng đạt chuẩn quốc tế IPT xin trân trọng giới thiệu đến Quý Phòng thử nghiệm chương trình thử nghiệm thành thạo dự kiến tổ chức vào **tháng 06 năm 2025** dưới đây.

**Rất mong nhận được sự quan tâm và hợp tác của Quý Phòng Thử nghiệm
Trân trọng và cảm ơn.**

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 05 năm 2025

Giám đốc IPT



ThS. Hoàng Ngọc Vinh



CÔNG TY CỔ PHẦN THỬ NGHIỆM THÀNH THẠO QUỐC TẾ

Địa chỉ: 156/29-31 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số điện thoại: 0906365962

E-mail : info@iptpro.net

Website: iptpro.net

PHIẾU ĐĂNG KÝ CHƯƠNG TRÌNH THỬ NGHIỆM THÀNH THẠO 06.2025

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên phòng thí nghiệm:

Tên cơ quan (Tên đơn vị xuất hóa đơn):

Địa chỉ xuất hóa đơn:

Mã số thuế:

Người liên hệ : Chức vụ:

Điện thoại:Fax:

E-mail:Di động:

Địa chỉ gửi mẫu đến PTN:

II. CÁCH THỨC ĐĂNG KÝ

- Quý khách hàng điền đầy đủ thông tin vào mục Thông tin chung – Đây là căn cứ để Ban tổ chức thực hiện các hoạt động: Gửi mẫu; Xuất hóa đơn; Thông tin người liên hệ.
- Phòng thử nghiệm tham khảo và lựa chọn các chương trình thử nghiệm thành thạo phù hợp với nhu cầu của PTN trong Danh sách các Chương trình thử nghiệm thành thạo trên Lĩnh vực Hóa và Vi Sinh.
- Sau khi chọn các chỉ tiêu và chương trình phù hợp, vui lòng xác nhận ký tên, đóng dấu vào phiếu đăng ký và gửi về Ban tổ chức theo các hình thức sau:
 - ❖ Hình thức 1: Quý khách hàng gửi qua đường bưu điện đến địa chỉ:
 - Công ty CỔ PHẦN THỬ NGHIỆM THÀNH THẠO QUỐC TẾ
 - Địa chỉ: 156/29 – 31 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
 - ❖ Hình thức 2: Quý khách hàng gửi bản Scan phiếu đăng ký qua cổng thông tin:
 - Địa chỉ e-mail: info@iptpro.net
 - Số điện thoại Zalo: [0906 365 962](tel:0906365962)

III. CHÍNH SÁCH THAM GIA

- Ban tổ chức TNTT cam kết bảo mật các thông tin và kết quả do Quý PTN tham gia cung cấp. Các thông tin liên hệ, phản hồi, BTC chỉ cung cấp đến các nhân sự được Quý PTN ủy quyền trong mục **THÔNG TIN CHUNG**.
- **Phí tham gia đã bao gồm thuế VAT 8%. PTN đăng ký trên 05 chương trình giảm 10%, trên 10 chương trình giảm 20%.**
- Trước mỗi tháng của các chương trình TNTT dự kiến thực hiện, BTC sẽ gửi thông báo đến các PTN đăng ký. Việc cập nhật, bổ sung (nếu có) sẽ được BTC thực hiện trong khoảng thời gian này.
- Đối với các chương trình TNTT đã được BTC gửi mẫu đi, PTN có nhu cầu hủy mẫu sẽ chịu 50% phí tham dự.

VI. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Phương pháp thử nghiệm

- Mẫu PT được xử lý như mẫu thông thường, các PTN tham gia có thể tự lựa chọn phương pháp thích hợp.
- Đối với các chương trình PT có quy định áp dụng phương pháp thử cụ thể, nếu PTN sử dụng các phương pháp thử khác, vui lòng liên hệ với Ban Tổ chức trước khi đăng ký để được hỗ trợ.

2. Thời gian

- 2.1. Nhận đăng ký: trước ngày 22/06/2025
- 2.2. Thời gian gửi mẫu dự kiến: 28/06/2025
- 2.3. Báo cáo sơ bộ: 25/07/2025
- 2.4. Báo cáo kết thúc chương trình: 31/07/2025

3. Đánh giá

- Áp dụng tiêu chuẩn ISO 13528:2022: Statistical methods for use in proficiency testing by interlaboratory comparisons.

4. Bảo mật

- Ban tổ chức cam kết bảo mật tên và mã số tham gia của các PTN: Ngoại trừ Ban tổ chức không một đơn vị, khách hàng, cá nhân nào biết được mã số của các PTN tham gia; trừ khi có sự đồng ý thông qua văn bản của PTN tham gia hoặc theo yêu cầu của Cơ quan chức năng.

5. Thanh toán

- CÔNG TY CỔ PHẦN THỬ NGHIỆM THÀNH THẠO QUỐC TẾ
- SỐ TÀI KHOẢN: 116002953550
- Ngân hàng VietinBank - Chi nhánh 10 - Tô Hiến Thành

6. Nội dung

DANH SÁCH CHƯƠNG TRÌNH THỬ NGHIỆM THÀNH THẠO NĂM 06.2025

LĨNH VỰC HOÁ

STT	Nền mẫu	TÊN CHƯƠNG TRÌNH	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHÍ THAM GIA	THỜI GIAN ĐĂNG KÝ (THÁNG) MÃ CHƯƠNG TRÌNH
				(VNĐ)	
1.	Nước mặt	Phân tích hợp chất hữu cơ dễ bay hơi	☐ 1,3-Dichloropropane	3.000.000	☐ 06 IPT022/R01.25
			☐ 1,2-Dichloroethene (DCE)		
			☐ 1,2-Dichloroethane (EDC)		
			☐ Tetrachloroethene (PCE)		
			☐ 1,2-Dichloropropane		
			☐ 1,2-Dibromo-3-chloropropane (DBCP)		
			☐ Trichloroethene (TCE)		
			☐ Bromodichloromethane		
			☐ Dibromochloromethane		
			☐ Tetrachloromethane (Carbon tetrachloride)		
			☐ Dichloromethane (DCM)		
2.		Phân tích dư lượng hóa chất khử trùng	☐ Dichloroacetonitrile	3.000.000	☐ 06 IPT023/R01.25
			☐ Trichloroaxetonitrile		
			☐ Dibromoacetonitrile		
			☐ Monochloroacetic Acid		
			☐ Dichloroacetic Acid		

STT	Nền mẫu	TÊN CHƯƠNG TRÌNH	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH		PHÍ THAM GIA	THỜI GIAN ĐĂNG KÝ (THÁNG) MÃ CHƯƠNG TRÌNH
					(VNĐ)	
	3.		☐ Trichloroacetic Acid			☐ 06 IPT024/R01.25
		Phân tích dư lượng TBVTV	☐ Aldicarb		3.000.000	
			☐ Carbofuran			
			☐ Chlorotoluron			
			☐ Dichlorprop			
			☐ Fenoprop			
			☐ Isoproturon			
			☐ MCPA			
			☐ Mecoprop			
4.	Nước mặt	Phân tích dư lượng kháng sinh trong nước mặt	☐ Nhóm tiền chất Nitrofurans	Furaltadone	3.000.000	☐ 06 IPT025/R01.25
				Furazolidone		
				Nitrofurantoin		
				Nitrofurazone		
			☐ Nhóm Quinolones	Ciprofloxacin		
				Enrofloxacin		
				Norfloxacin		
				Orbifloxacin		
				Flumequine		
			☐ Nhóm Phenicols	Chloramphenicol		
				Florphenicol		
				Thiamphenicol		

STT	Nền mẫu	TÊN CHƯƠNG TRÌNH	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHÍ THAM GIA	THỜI GIAN ĐĂNG KÝ (THÁNG) MÃ CHƯƠNG TRÌNH
				(VNĐ)	
5.	Nước ngầm	Phân tích các chỉ tiêu đánh giá độ ô nhiễm	☐ Tổng Phenol	3.000.000	☐ 06 IPT042/R01.25
			☐ Chất hoạt động bề mặt anion		
			☐ Tổng dầu, mỡ (Oil and grease)		
6.	Nước thải	Phân tích các chỉ tiêu đánh giá chất lượng	☐ Màu sắc	2.500.000	☐ 06 IPT048/R03.25
			☐ Độ đục		
			☐ pH		
			☐ Độ kiềm tổng		
			☐ Độ cứng tổng		
			☐ Độ cứng Ca		
			☐ TDS		
7.	Nước thải	Phân tích Anions trong nước thải	☐ N ₂ NO ₃ ⁻	2.500.000	☐ 06 IPT049/R03.25
			☐ N ₂ NO ₂ ⁻		
			☐ Cl ⁻		
			☐ SO ₄ ²⁻		
			☐ F ⁻		
			☐ Cyanide_CN ⁻		
			☐ P_PO ₄ ³⁻		

STT	Nền mẫu	TÊN CHƯƠNG TRÌNH	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHÍ THAM GIA	THỜI GIAN ĐĂNG KÝ (THÁNG) MÃ CHƯƠNG TRÌNH
				(VNĐ)	
8.	Nước thải	Phân tích kim loại trong nước thải	☐ Sb	3.000.000	☐ 06 IPT050/R03.25
			☐ Cr ⁶⁺		
			☐ Zn		
			☐ Cu		
			☐ Fe		
			☐ Zn		
			☐ Cr Tổng		
			☐ Mn		
			☐ Ni		
			☐ Na		
			☐ K		
			☐ Cd		
			☐ Pb		
			☐ As		
			☐ Hg		
			☐ Se		
9.		Phân tích các chất đánh giá độ ô nhiễm trong nước thải	☐ COD	2.500.000	☐ 06 IPT061/R02.25
			☐ BOD ₅		
			☐ N-NH ₄ ⁺		
			☐ N tổng		

STT	Nền mẫu	TÊN CHƯƠNG TRÌNH	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHÍ THAM GIA	THỜI GIAN ĐĂNG KÝ (THÁNG) MÃ CHƯƠNG TRÌNH
				(VNĐ)	
			☐ P tổng		
10.	Nước giải khát	Phân tích dư lượng thuốc BVTV	☐ Piperonyl Butoxide	3.000.000	☐ 06 IPT068/R01.25
			☐ Propargite		
			☐ Carbaryl		
			☐ Malathion		
11.	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Phân tích các chỉ tiêu đánh giá chất lượng	☐ Ẩm	2.500.000	☐ 06 IPT072/R01.25
			☐ Protein thô		
			☐ TVB _N		
			☐ Béo tổng		
			☐ Tro tổng số		
			☐ Tro không tan trong HCl		
			☐ Xơ thô		
			☐ Ca		
12.		Phân tích độc tố vi nấm	☐ P	3.000.000	☐ 06 IPT075/R02.25
			☐ Aflatoxin B1		
			☐ Aflatoxin B2		
			☐ Aflatoxin G1		
			☐ Aflatoxin G2		
			☐ Aflatoxin tổng		
13.			☐ Furaltadone	2.500.000	☐ 06

STT	Nền mẫu	TÊN CHƯƠNG TRÌNH	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHÍ THAM GIA	THỜI GIAN ĐĂNG KÝ (THÁNG) MÃ CHƯƠNG TRÌNH
				(VNĐ)	
	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Phân tích dư lượng kháng sinh	☐ Furazolidone		IPT079/R02.25
			☐ Nitrofurantoin		
			☐ Nitrofurazone		
14.		Phân tích hàm lượng Melamine	☐ Melamine	2.500.000	☐ 06 IPT080/R02.25
15.		Phân tích hàm lượng Auramine O	☐ Auramine O	2.500.000	☐ 06 IPT081/R02.25
16.	Phân bón	Phân tích các chỉ tiêu đánh giá chất lượng phân hữu cơ	☐ N tổng	2.500.000	☐ 06 IPT083/R02.25
			☐ P hữu hiệu		
			☐ Acid Humic		
			☐ Acid Fulvic		
			☐ TOC		
			☐ Ẩm		
17.	Rau, củ, quả, nông sản	Phân tích dư lượng thuốc BVTV nhóm Organophosphates trong nông sản	☐ Dichlorvos	3.000.000	☐ 06 IPT089/R02.25
			☐ Disulfoton		
			☐ Mevinphos		
			☐ Dimethoate		
			☐ Diazinon		
			☐ Methyl - Parathion		
			☐ Malathion		

STT	Nền mẫu	TÊN CHƯƠNG TRÌNH	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHÍ THAM GIA	THỜI GIAN ĐĂNG KÝ (THÁNG) MÃ CHƯƠNG TRÌNH
				(VNĐ)	
			☐ Fenthion ☐ Chlopyrifos ☐ Ethion		
18.	Thủy sản và sản phẩm thủy sản	Phân tích Dư lượng kháng sinh trong thủy sản	☐ Chloramphenicol ☐ Florfenicol ☐ Thiamphenicol	3.000.000	☐ 06 IPT096/R02.25
19.		Phân tích dư lượng kháng sinh trong thủy sản	☐ AOZ ☐ AMOZ	3.000.000	☐ 06 IPT097/R01.25
20.		Phân tích dư lượng kháng sinh trong thủy sản	☐ Sulfadiazine ☐ Sulfathiazole ☐ Sulfapyridine ☐ Sulfamerazine ☐ Sulfadimidine (Sulfamethazine) ☐ Sulfachloropyridazine ☐ Sulfamethoxazole ☐ Sulfadimethoxine	3.000.000	☐ 06 IPT100/R01.25
21.		Phân tích các chỉ tiêu đánh giá chất lượng nước chấm	☐ N tổng ☐ N-NH ₄ ⁺	2.500.000	☐ 06 IPT120/R02.25

STT	Nền mẫu	TÊN CHƯƠNG TRÌNH	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHÍ THAM GIA	THỜI GIAN ĐĂNG KÝ (THÁNG) MÃ CHƯƠNG TRÌNH
				(VNĐ)	
	nước chấm		☐ N_axit amin ☐ NaCl		
22.	Đất, bùn thải	Phân tích kim loại nặng trong đất	☐ Cd ☐ Pb ☐ As ☐ Hg ☐ Fe ☐ Cu ☐ Zn ☐ Cr ☐ Mn ☐ Ni	3.000.000	☐ 06 IPT129/R01.25
23.		Phân tích hàm lượng kim loại tổng số: Cd, Pb, As, Hg, Cr, Ni, Fe, Cu, Zn trong bùn thải.	☐ Cd ☐ Pb ☐ As ☐ Hg ☐ Cr ☐ Ni ☐ Fe ☐ Cu	3.000.000	☐ 06 IPT130/R02.25

STT	Nền mẫu	TÊN CHƯƠNG TRÌNH	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHÍ THAM GIA	THỜI GIAN ĐĂNG KÝ (THÁNG) MÃ CHƯƠNG TRÌNH
				(VNĐ)	
			☐ Zn		
24.	Muối	Phân tích chỉ tiêu chất lượng muối	☐ Độ ẩm	2.500.000	☐ 06 IPT136/R01.25
			☐ Hàm lượng NaCl		
			☐ Tạp chất không tan		
			☐ Hàm lượng Iot		
			☐ Hàm lượng Ca		
			☐ Hàm lượng Mg		
			☐ Hàm lượng SO ₄ ²⁻		
25.	Muối	Phân tích chỉ tiêu chất lượng muối	☐ Cd	2.500.000	☐ 06 IPT137/R01.25
			☐ As		
			☐ Hg		
			☐ Cu		
26.	Phụ gia thực phẩm	Phân tích phụ gia thực phẩm hạn chế sử dụng	☐ Hàm lượng Sodium dehydroacetate	3.000.000	☐ 06 IPT152/R02.25
27.	Thức ăn	Xác định hàm lượng Saponin	☐ Saponin	2,500,000	☐ Tháng 07 IPT190/R01.25
28.	chăn nuôi và	Phân tích chỉ tiêu chất lượng trong dầu mỡ	☐ Hàm lượng nước và chất bay hơi	2,500,000	IPT191/R01.25
			☐ Chỉ số Peroxide		

STT	Nền mẫu	TÊN CHƯƠNG TRÌNH	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHÍ THAM GIA	THỜI GIAN ĐĂNG KÝ (THÁNG) MÃ CHƯƠNG TRÌNH
				(VNĐ)	
	nguyên liệu, thức ăn thủy sản và nguyên liệu		☐ Chỉ số iot		
			☐ Chỉ số acid và độ acid		
			☐ Chỉ số xà phòng hóa		
			☐ Tro tổng số		
29.	nguyên liệu	Phân tích các chỉ tiêu enzyme: Alpha Amylase, Cellulase, Protease, Xylanase, Beta glucanase, Lipase .	☐ Alpha Amylase	2,500,000	IPT192/R01.25
			☐ Cellulase		
			☐ Protease		
			☐ Xylanase		
			☐ Beta glucanase		
			☐ Lipase		
30.	Thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu	Phân tích các chỉ tiêu enzyme: Lactase, Urease, Gluco Amylase.	☐ Lactase	2,500,000	IPT193/R01.25
			☐ Urease		
			☐ Gluco Amylase		
31.	Thức ăn thủy sản và nguyên liệu	Phân tích hàm lượng Vitamin nhóm B: B1, B3 B2, B5, B6, B7, B9, B12.	☐ B1	2,500,000	IPT194/R01.25
			☐ B2		
			☐ B3		
			☐ B5		
			☐ B6		
			☐ B7		

STT	Nền mẫu	TÊN CHƯƠNG TRÌNH	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHÍ THAM GIA	THỜI GIAN ĐĂNG KÝ (THÁNG) MÃ CHƯƠNG TRÌNH
				(VNĐ)	
	nguyên liệu		☐ B9		
			☐ B12		
32.		Phân tích hàm lượng Vitamin A, C, D3, E.	☐ Vitamin A	2,500,000	IPT195/R01.25
			☐ Vitamin C		
			☐ Vitamin D3		
			☐ Vitamin E		
33.		Phân tích hàm lượng acid hữu cơ: Lactic acid, Butyric acid, Acetic acid, Formic acid, Citric acid. Propionic acid, Fumaric acid, Gluconic acid.	☐ Lactic acid	2,500,000	IPT196/R01.25
			☐ Butyric acid		
			☐ Acetic acid		
			☐ Formic acid		
			☐ Citric acid		
			☐ Propionic acid		
			☐ Fumaric acid		
			☐ Gluconic acid		
34.	Thức ăn chăn nuôi và nguyên	Phân tích kim loại	☐ Se	2,500,000	☐ Tháng 07 IPT197/R01.25
35.		Phân tích xanthafyll	☐ xanthafyll	2,500,000	☐ Tháng 07 IPT198/R01.25

STT	Nền mẫu	TÊN CHƯƠNG TRÌNH	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHÍ THAM GIA	THỜI GIAN ĐĂNG KÝ (THÁNG) MÃ CHƯƠNG TRÌNH
				(VNĐ)	
36.	liệu, thức ăn thủy sản và nguyên liệu	Phân tích dư lượng kháng sinh AOZ, AMOZ, AHD, SEM.	☐ AOZ	3,000,000	☐ Tháng 07 IPT199/R01.25
			☐ AMOZ		
			☐ AHD		
			☐ SEM		
37.		Phân tích hàm lượng nhóm Sulfonamides: Sulfadiazine, Sulfathiazole, Sulfapyridine, Sulfamethoxazole, Sulfadimethoxine.	☐ Sulfadiazine	3,000,000	☐ Tháng 07 IPT201/R01.25
			☐ Sulfapyridine		
			☐ Sulfathiazole		
			☐ Sulfamethoxazole		
			☐ Sulfadimethoxine		
38.	Nông sản	Phân tích dư lượng thuốc BVTV trong Gạo	☐ Acetamiprid	3,000,000	IPT091/R01.25
			☐ Thiamethoxam		
			☐ Carbendazime		
			☐ Tricyclazole		
			☐ Imidacloprid		

LĨNH VỰC SINH HỌC

STT	Nền mẫu	TÊN CHƯƠNG TRÌNH	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHÍ THAM GIA	THỜI GIAN ĐĂNG KÝ (THÁNG)
				(VNĐ)	MÃ CHƯƠNG TRÌNH
39.	Nước sạch, nước sinh hoạt	Vi sinh trong nước sạch	☐ Pseudomonas aeruginosa	2.500.000	☐ 06 IPT158/R01.25
40.		Vi sinh trong nước sạch	☐ Fecal streptococci	2.500.000	☐ 06 IPT159/R02.25
41.	Thủy sản và sản phẩm thủy sản	Phân tích vi sinh vật trong thủy sản	☐ Tổng số vi sinh vật hiếu khí	2.500.000	☐ 06 IPT164/R02.25
			☐ E.coli		
42.	Thịt và sản phẩm thịt	Phân tích vi sinh vật trong thịt	☐ Tổng số vi sinh vật hiếu khí	2.500.000	☐ 06 IPT165/R02.25
			☐ E.coli		
43.	Sữa và sản phẩm sữa	Định tính Salmonella trong sữa	☐ Salmonella	2.500.000	☐ 06 IPT166/R02.25
44.		Định tính Listeria monocytogenes trong sữa	☐ Listeria monocytogenes	2.500.000	☐ 06 IPT167/R02.25
45.		Vi sinh trong sữa	☐ Enterobacteriaceae	2.500.000	☐ 06 IPT168/R02.25



CÔNG TY CỔ PHẦN THỬ NGHIỆM THÀNH THẠO QUỐC TẾ

Địa chỉ: 156/29-31 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số điện thoại: 0906365962

E-mail : info@iptpro.net

Website: iptpro.net

Ghi chú:

- Ban tổ chức sẽ gửi các thông tin chi tiết các chương trình cụ thể theo thời gian thực hiện.
- Các chương trình sẽ diễn ra theo thời gian ở mục 2. Trừ những chương trình sẽ được diễn ra vào tháng 7 (đã ghi phía trên mã từng chương trình).

Ngày tháng năm 20

ĐẠI DIỆN PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐĂNG KÝ

(Ký tên, đóng dấu)

❖ *Xin quý khách hàng vui lòng gửi phiếu đăng ký theo địa chỉ sau*
CÔNG TY CỔ PHẦN THỬ NGHIỆM THÀNH THẠO QUỐC TẾ (IPT)

- Địa chỉ : 156/29 – 31 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, Tp. HCM
- Điện thoại/zalo : 0906365962
- Email : info@iptpro.net
- Web : iptpro.net



BẢNG TÌM HIỂU YÊU CẦU CỦA QUÝ KHÁCH HÀNG VỀ THỬ NGHIỆM THÀNH THẠO NĂM 2025

Tên phòng thí nghiệm:

Tên cơ quan:

Người liên hệ :Chức vụ:.....

Điện thoại:Fax:

E-mail:Di động:

1. Đề xuất các yêu cầu ngoài chương trình thử nghiệm thành thạo năm 2025

Nội dung chương trình yêu cầu	Thời gian tổ chức
1.	
2.	
3.	
4.	
5.	
6.	
7.	



CÔNG TY CỔ PHẦN THỬ NGHIỆM THÀNH THẠO QUỐC TẾ

Địa chỉ: 156/29-31 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số điện thoại: 0906365962

E-mail : info@iptpro.net

Website: iptpro.net

2. Các đề xuất khác:

.....

.....

.....

Ngày tháng năm 20
ĐẠI DIỆN PHÒNG THÍ NGHIỆM
(Ký tên, đóng dấu)